

Số: 269 /QĐ-SNN

Quảng Trị, ngày 21 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu

Gói thầu: Quan trắc, giám sát môi trường

Công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa

Dự án: Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 của Quốc Hội;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn Nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 05/2016/QĐ-UBND ngày 25/02/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 31/3/2016 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển Quảng Trị;

Căn cứ Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 1495/QĐ-UBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (đợt 2) công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-SNN ngày 19/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán gói thầu quan trắc, giám sát môi trường công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa;

Xét Tờ trình số: 773/TTr-BQLDA ngày 20/8/2020 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị về việc đề nghị phê duyệt kết quả chỉ định thầu gói thầu: Quan trắc, giám sát môi trường công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả chỉ định thầu với những nội dung chính sau:

1. **Tên dự án:** Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị.
2. **Tên công trình:** Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa.
3. **Tên gói thầu:** Quan trắc, giám sát môi trường.
4. **Chủ đầu tư:** Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị.
5. **Địa điểm xây dựng:** Huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị.
6. **Đơn vị Nhà thầu chỉ định thầu:**
 - Tên nhà thầu: Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường.
 - Địa chỉ: Phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.
7. **Giá chỉ định thầu: 30.826.000,0 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng./.*)

(Chi tiết có Phụ lục giá chỉ định thầu kèm theo Quyết định này)
8. **Thời gian thực hiện hợp đồng:** 170 ngày và theo tiến độ thi công.
9. **Loại hợp đồng:** Trọn gói.
10. **Nguồn vốn:** Ngân sách Trung ương hỗ trợ Chương trình mục tiêu Tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và Phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư.

Điều 2. Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức thực hiện các bước tiếp theo đảm bảo đúng, đầy đủ thủ tục đầu tư xây dựng theo quy định hiện hành của pháp luật Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng các phòng: Kế hoạch - Tài chính; Quản lý xây dựng công trình; Giám đốc Ban quản lý Dự án đầu tư xây dựng các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Trị; Giám đốc Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Cục Thuế tỉnh;
- Giám đốc Sở;
- Các PGĐ Sở;
- Lưu VT, QLXDCT, KHTC_(SH).

GIÁM ĐỐC

Hồ Xuân Hòa

PHỤ LỤC: GIÁ CHỈ ĐỊNH THẦU**Gói thầu: Quan trắc, giám sát môi trường****Công trình: Nâng cấp đê hữu Bến Hải đoạn Xuân Long - Xuân Hòa****Dự án: Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị***(Kèm theo Quyết định số: 269/QĐ-SNN ngày 21/8/2020 của Sở Nông nghiệp và PTNT)*

Đơn vị: VNĐ

T T	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (06 tháng/lần)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí nhân công khảo sát vị trí lấy mẫu (03 công/ngày x 01 ngày)	công	3	1	406.364	1.219.091
2	Chi phí thuê xe đi lấy mẫu	chuyến	1	1	1.500.000	1.500.000
3	Chi phí thuê thuyền lấy mẫu nước mặt (01 lần)	lần	1	1	300.000	300.000
4	Chi phí in ấn, photo và đóng cuốn báo cáo tổng hợp	cuốn	5	1	200.000	1.000.000
5	Kinh phí lấy và phân tích mẫu					17.004.182
5.1	Giám sát môi trường không khí (01 vị trí)					1.712.000
	Nhiệt độ	lần đo	1	1	49.000	49.000
	Độ ẩm	lần đo	1	1	49.000	49.000
	Tốc độ gió	lần đo	1	1	49.000	49.000
	Tiếng ồn	mẫu	1	1	147.000	147.000
	Độ bụi	mẫu	1	1	179.000	179.000
	SO ₂	mẫu	1	1	479.000	479.000
	NO ₂	mẫu	1	1	414.000	414.000
	CO	mẫu	1	1	346.000	346.000
5.2	Giám sát môi trường nước mặt (01 vị trí)					3.739.000
	Nhiệt độ	mẫu	1	1	94.000	94.000
	pH	mẫu	1	1	94.000	94.000
	BOD ₅	mẫu	1	1	208.000	208.000

T T	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Số lượng	Tần suất (06 tháng/lần)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	COD	mẫu	1	1	263.000	263.000
	TSS	mẫu	1	1	191.000	191.000
	Clorua	mẫu	1	1	270.000	270.000
	Tổng N	mẫu	1	1	437.000	437.000
	Tổng P	mẫu	1	1	394.000	394.000
	Dầu mỡ khoáng	mẫu	1	1	834.000	834.000
	Coliform	mẫu	1	1	954.000	954.000
5. 3	<i>Giám sát môi trường đất (01 vị trí)</i>					9.115.000
	K trao đổi	mẫu	1	1	1.006.000	1.006.000
	pH _{KCl}	mẫu	1	1	682.000	682.000
	Ca trao đổi	mẫu	1	1	859.000	859.000
	Mg trao đổi	mẫu	1	1	858.000	858.000
	Fe di động	mẫu	1	1	1.201.000	1.201.000
	Tổng N	mẫu	1	1	602.000	602.000
	Tổng P	mẫu	1	1	596.000	596.000
	Pb	mẫu	1	1	1.145.000	1.145.000
	Zn	mẫu	1	1	1.083.000	1.083.000
	Cu	mẫu	1	1	1.083.000	1.083.000
5. 4	<i>Quan trắc chất thải rắn (thành phần, khối lượng CTR và tổng lượng thải)</i>	công	6	1	406.364	2.438.182
6	Tổng hợp số liệu viết báo cáo	Báo cáo	1	1	7.000.000	7.000.000
7	Cộng (1+2+3+4+5+6)					28.023.273
8	Thuế VAT (10%*7)					2.802.327
9	TỔNG CỘNG					30.826.000
<i>(Bằng chữ: Ba mươi triệu, tám trăm hai mươi sáu nghìn đồng)</i>						